

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK ĐOA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2018
“V/v kiện yêu cầu không
công nhận là vợ chồng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Minh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Do.

2. Bà Nguyễn Thị Chín

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Bưởi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 46/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc kiện “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thái Hoài N, Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị Hồng Đ, Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn kiện, bản tự khai, quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Thái Hoài N trình bày:

Anh Thái Hoài N và chị Đặng Thị Hồng Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 tại xã H, huyện Đ, tỉnh G. Sau đó đến ngày 13/8/2010 thì

chuyển về sinh sống tại Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, anh chị thường phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã không hạnh phúc, mặt khác vì chung sống với nhau khá lâu mà vẫn chưa có con. Hiện tại anh N và chị Đ không còn chung sống với nhau, mỗi người một nơi từ đầu năm 2016 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu tòa án tuyên bố không phải là vợ chồng.

Về con chung: Anh N và chị Đ không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Anh N và chị Đ không có tài sản chung, riêng và nợ chung nào nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Đặng Thị Hồng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ công nhận lời trình bày của anh N là đúng. Chị Đ và anh Thái Hoài N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 tại xã H, huyện Đ, tỉnh G. Sau đó đến ngày 13/8/2010 thì chuyển về sinh sống tại Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, anh chị thường phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã không hạnh phúc, mặt khác vì chung sống với nhau khá lâu mà vẫn chưa có con. Hiện tại anh N và chị Đ không còn chung sống với nhau, mỗi người một nơi từ đầu năm 2016 cho đến nay. Nay chị Đ nhận thấy không còn tình cảm với anh N nên đồng ý với yêu cầu của anh N, yêu cầu tòa án tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

Về con chung: Anh N và chị Đ không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Anh N và chị Đ không có tài sản chung, riêng và nợ chung nào nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:*

Vụ án được thụ lý và tiến hành giải quyết theo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có hôn nhân thực tế nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng: Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án áp tuyên bố không công nhận là vợ chồng

giữa các đương sự anh Thái Hoàng N và chị Đặng Thị Hồng Đ. Về con chung, tài sản chung, riêng và nợ chung không có và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Thái Hoài N và chị Đặng Thị Hồng Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn nên anh N khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng với chị Đ và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 14, Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về nội dung: Anh Thái Hoài N và chị Đặng Thị Hồng Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 tại xã H, huyện Đ, tỉnh G. Sau đó đến ngày 13/8/2010 thì chuyển về sinh sống tại Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, anh chị thường phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã không hạnh phúc, mặt khác vì chung sống với nhau khá lâu mà vẫn chưa có con. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh N và chị Đ đều xác định mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài và có yêu cầu không công nhận là vợ chồng. Xét quan hệ hôn nhân giữa Anh Thái Hoài N và chị Đặng Thị Hồng Đ là không hợp pháp. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thái Hoàng N. Tuyên bố không công nhận anh Thái Hoài N và chị Đặng Thị Hồng Đ là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Anh Thái Hoài N và chị Đặng Thị Hồng Đ không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Anh Thái Hoài N và chị Đặng Thị Hồng Đ không có tài sản chung, riêng và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về án phí dân sự: Anh Thái Hoài N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thái Hoài N về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng với chị Đặng Thị Hồng Đ. Tuyên bố anh Thái Hoài N và chị Đặng Thị Hồng Đ không phải là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Anh Thái Hoài N và chị Đặng Thị Hồng Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

3. Về tài sản chung, riêng: Anh Thái Hoài N và chị Đặng Thị Hồng Đ không có tài sản chung riêng nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Thái Hoài N và chị Đặng Thị Hồng Đ không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

5. Về án phí dân sự: Anh Thái Hoài N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh Thái Hoài N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G theo biên lai số 0002576 ngày 13 tháng 4 năm 2018. Anh N đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Bùi Viết Minh Quân